

Vị thế tôn giáo – tiếp cận từ lý thuyết xã hội rủi ro của Ulrich Beck

Lê Trần Anh Thư¹, Trần Kỳ Đồng^{2,*}



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Lý thuyết về xã hội rủi ro của Ulrich Beck trong hai tác phẩm *Xã hội rủi ro: Hướng tới một hiện đại mới* và *Một Thượng đế của riêng mình* như là sự phản tư về quá trình hiện đại hóa ở bốn chiều kích: tiến bộ công nghệ, toàn cầu hóa, thể tục hóa và cá nhân hóa. Bài viết tập trung vào vấn đề thể tục hóa và cá nhân hóa làm điểm xuất phát trong tầm nhìn tham chiếu đến vị thế của tôn giáo trong xã hội hậu hiện đại.

Trong sự tiếp cận liên văn bản, nội dung của bài viết được khai triển chủ yếu bằng phương pháp hiện tượng học và thông diễn học thắm đẫm triết thuyết hiện sinh. Ngoài phần dẫn nhập và kết luận, bài viết được chia thành ba chương. *Chương I.* Từ quan niệm về hiện đại, tiến hành khám phá mối quan hệ hiện đại với thể tục hóa và quan hệ hiện đại với cá nhân hóa. *Chương II.* Phân tích hậu quả của hiện đại đã tạo ra xã hội luôn bất an và sự an toàn cá nhân bị đe dọa khi chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa dẫn đến những hậu quả mà con người phải gánh chịu. *Chương III.* Về một Thiên chúa của riêng mình như là một hình thức tâm linh cá nhân phản ứng với cả chủ nghĩa chính thống tôn giáo và sự bất an hiện đại. Thế nhưng, U.Beck vẫn nhận định: vị thế tôn giáo, ngay cả ở dạng cá nhân hóa vẫn là một trung gian tiềm năng của hòa bình trong một xã hội rủi ro. Bằng những luận cứ và luận chứng từ lý thuyết và thực tiễn, nhóm tác giả đã gửi đi một thông điệp cảnh tỉnh cho nhận định này: Trước những thách thức của xã hội hậu hiện đại đầy rủi ro, vị thế tôn giáo có thể sẽ không thực hiện được chức năng “chữa lành” cho thế gian mà có thể sẽ góp phần vào “nỗi đau” của thế gian. Ý kiến phản biện của nhóm tác giả được trình bày ở cuối chương III và cũng chính là mục đích của bài viết.

Từ khóa: hiện đại, xã hội rủi ro, thể tục hóa, cá nhân hóa, vị thế tôn giáo

¹Đại học Ruhr Bochum

²Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Trần Kỳ Đồng, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: kydongtran@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 23-08-2024
- Ngày sửa đổi: 03-06-2025
- Ngày chấp nhận: 04-07-2025
- Ngày đăng: 17-07-2025

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i3.1056>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



DẪN NHẬP

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hiện đại hóa, xã hội hiện đại không chỉ tiếp tục thụ hưởng những thành tựu về kinh tế, công nghệ mà còn phải đối diện với những nguy cơ ngày càng phức tạp và không giới hạn. Tác phẩm *Xã hội rủi ro: Hướng đến một hiện đại mới* của Ulrich Beck đã xác định rằng con người đang sống trong một thời đại mà các mối đe dọa – từ biến đổi khí hậu, khủng hoảng năng lượng, đến các cuộc khủng hoảng tài chính và y tế toàn cầu – không còn là những sự cố cá biệt mà là các yếu tố gắn liền với bản chất của một thế giới toàn cầu hóa. Trong xã hội rủi ro, hệ thống tôn giáo truyền thống vốn có vai trò cung cấp niềm tin ổn định và an toàn tinh thần, cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc và phải thích ứng hoặc tái cấu trúc để duy trì vai trò của mình.

U.Beck tiếp tục khai thác chiều sâu của vấn đề này qua khái niệm “*Một Thượng đế của riêng mình*” – một mô hình tôn giáo cá nhân hóa trong đó đức tin và tín ngưỡng không còn bị trói buộc bởi các quy chuẩn hay cấu trúc tập thể truyền thống mà được định hình theo nhu cầu và trải nghiệm cá nhân. Trong bối cảnh xã hội rủi ro, tôn giáo không còn là một hệ thống toàn trị

về niềm tin mà trở thành một “thực thể uyển chuyển” với khả năng thích ứng linh hoạt trước các thách thức. “Thượng đế” không còn là một biểu tượng chung cho những cộng đồng tôn giáo mà là hình ảnh phản chiếu những kỳ vọng và trải nghiệm cá nhân.

Chủ đề *Vị thế tôn giáo - tiếp cận từ lý thuyết xã hội rủi ro của Ulrich Beck* thực hiện sự phân tích sâu về mối quan hệ giữa tôn giáo trong các yếu tố bất định của thời đại. Trong bối cảnh này, tôn giáo vừa phải thích nghi với tính không chắc chắn của xã hội vừa phải duy trì vai trò cố hữu của nó – cung cấp một hệ thống giá trị và ý nghĩa để giúp con người đối phó với khủng hoảng. Nhưng hiện tượng cá nhân hóa tôn giáo đã tạo ra một xu hướng đa dạng trong đời sống tinh thần, làm nổi bật tính tự chủ trong lựa chọn tôn giáo và khả năng thích ứng của đức tin. Từ đây cần đi tìm câu trả lời cho câu hỏi đã được đặt ra: Vị thế của tôn giáo phải chịu những “sang chấn” nào và có còn là điểm tựa hỗ trợ tinh thần con người trước các khủng hoảng trong xã hội hậu hiện đại?

NỘI DUNG

Nhà xã hội học người Đức Ulrich Beck (1944-2015) Giáo sư Đại học Ludwig Maximilian ở Munich và

Trích dẫn bài báo này: Anh Thư L T, Kỳ Đồng T. *Vị thế tôn giáo – tiếp cận từ lý thuyết xã hội rủi ro của Ulrich Beck*. *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(3):3093-3108.

Trường Kinh tế và Khoa học Chính trị London, nổi tiếng nhất với công trình nghiên cứu về rủi ro, về toàn cầu hóa và phân tử về hiện đại hóa. Tác phẩm mang tính đột phá là *Xã hội rủi ro: Hướng đến một hiện đại mới* đã khơi dậy sự quan tâm ở tầm quốc tế với những tranh luận đậm tính học thuật về chủ đề rủi ro khi U.Beck quan niệm:

“Rủi ro có thể được định nghĩa như là một lộ trình có tính hệ thống để đối phó với các mối nguy hiểm và sự bất an do chính quá trình hiện đại hóa gây ra và đưa vào. Trái ngược với các mối nguy hiểm trước đây, rủi ro là hậu quả liên quan đến sức mạnh đẩy đe dọa của quá trình hiện đại hóa và sự hoài nghi về tính toàn cầu hóa của nó. Chúng mang tính phân tử xét về mặt chính trị” [¹ tr.254].

Các nhà xã hội học đã được U.Beck thức tỉnh. Trong “sự phân tử về hiện đại hóa” con người ngày càng nhận thức được những rủi ro liên quan đến hành động của chính con người. Những cuộc tranh luận về cách quản lý nhằm ngăn ngừa sự lan rộng của những rủi ro xã hội đã và đang xuất hiện thường xuyên trên các diễn đàn học thuật. U.Beck đã đổi mới và mở rộng lý thuyết chẩn đoán của mình trong các nguy cơ để tìm kiếm sự an toàn đã mất với những thông điệp về chủ nghĩa khủng bố, thảm họa khí hậu và khủng hoảng tài chính. Lý thuyết phân tử hiện đại mà U.Beck phát triển bao gồm ba lập luận phức tạp: định lý về xã hội rủi ro thế giới, định lý về cường bức cá nhân hóa và định lý về hiện đại đa diện hoặc thế giới hóa. Cả ba định lý đều là những hình thức cực đoan của động lực hiện đại. Lý thuyết của U.Beck như là “sự giải thiêng” xã hội hiện đại vào đầu thế kỷ 21. Nhóm tác giả chỉ chọn lấy những vấn đề cơ bản trong ba định lý trực tiếp liên quan đến chủ đề của bài viết.

Hiện đại (Modernity) là gì?

Hiện đại là quá trình hiện thực hóa quyền năng của lý tính khởi đầu từ sự thay thế lao động thủ công bằng lao động cơ khí. Bước chuyển từ cơ khí hóa sang tự động hóa làm cho thuật ngữ hiện đại có nội hàm phức tạp vừa phân tử quá trình tiến hóa lâu dài của xã hội vừa có sự mặc định về quyền tự chủ của con người trong sự đối mặt với những hậu quả được sản sinh ra từ chính những thành tựu cách mạng công nghiệp. Hiện đại đã vượt qua phạm vi kỹ thuật công nghệ thâm nhập vào các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trong các phạm vi ngoài phạm vi kỹ thuật công nghệ, hiện đại ít quan tâm đến tính hiệu quả của khoa học mà chỉ chú trọng đến phương thức đạt được hiệu quả một cách linh hoạt có điều kiện và chấp nhận xác suất rủi ro. Hiện đại càng nâng dần cấp độ, toàn cầu hóa càng lan rộng, con người của hiện đại ngày càng căng

bức tinh thần trong sự bao vây của rủi ro. Sự va đập dồn dập giữa hiện đại và truyền thống thường xuyên tạo ra sự đổ vỡ và đứt gãy trong sự nối kết con người với xã hội trên mọi phương diện. Hậu quả của hiện đại được nhận thức rõ hơn qua những hệ lụy của sự phá hủy, vượt bỏ những giá trị truyền thống. Hiện đại luôn tạo ra sự hoài niệm, phân tử về những giá trị truyền thống, luôn mong muốn điều không thể thực hiện là tái tạo giá trị truyền thống. Đó là nghịch lý của hiện đại.

Nhận định về hiện đại hóa, U.Beck đã viết :

“Hiện đại hóa có nghĩa là sự gia tăng hợp lý hóa công nghệ và những thay đổi trong công việc và tổ chức, nhưng ngoài ra còn bao gồm nhiều hơn thế nữa: sự thay đổi trong các đặc điểm xã hội và tiểu sử bình thường, những thay đổi trong lối sống và hình thức tình yêu, sự thay đổi trong các cấu trúc quyền lực và ảnh hưởng, trong các hình thức đàn áp và tham gia chính trị, trong quan điểm về thực tế và trong các chuẩn mực kiến thức. Trong sự hiểu biết của khoa học xã hội về hiện đại, cái cày, đầu máy hơi nước và vi mạch là những chỉ số hữu hình của một quá trình sâu sắc hơn nhiều, bao gồm và định hình lại toàn bộ cấu trúc xã hội.” [² tr.50]

Giddens đã không đến mức cực đoan như U.Beck khi đưa ra một cách nhìn về vai trò của hiện đại đối với rủi ro:

“Hiện đại cũng đã loại bỏ và giảm bớt nhiều rủi ro cũ, và các rủi ro mới không chỉ mà chủ yếu còn là các tác động phụ tiêu cực của công nghệ. Cơ hội và khả năng là những khía cạnh tích cực khác của rủi ro, và các cơ hội mới của hiện đại không thể tách rời khỏi các rủi ro của nó. Các rủi ro mới là mặt trái không thể tách rời của quyền tự do lựa chọn các lối sống và chính sách cuộc sống khác nhau của con người hiện đại.” [¹ tr.253].

Nghĩa là hiện đại tuy có làm tăng sự lo lắng hiện sinh thông qua rủi ro và sự không chắc chắn nhưng cũng mở rộng phạm vi cơ hội để cá nhân tự lựa chọn lối sống trong sự mặc định về quyền tự chủ của con người trước những rủi ro trong xã hội

Sự mặc định về quyền tự chủ của con người trong xã hội hiện đại được hỗ trợ bởi bốn đặc điểm chính: tiến bộ công nghệ, toàn cầu hóa, thế tục hóa, và cá nhân hóa. Bài viết này tập trung vào vấn đề thế tục hóa và cá nhân hóa trong tầm nhìn tham chiếu đến vị thế tôn giáo.

Hiện đại với thế tục hóa

Tiến bộ công nghệ đã cho phép con người vượt qua những giới hạn của tự nhiên, từ chữa bệnh, xây dựng công trình chống thiên tai đến quá trình khai thác tự

nhiên để làm ra sản phẩm không có trong tự nhiên, thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của con người. Tiến bộ công nghệ cũng làm mờ sự ngăn cách giữa các quốc gia, tạo điều kiện cho sự lan rộng của các vấn đề toàn cầu. Thế tục hóa đã trở thành một phần của hiện đại. Lịch sử cho thấy, thế tục hóa là quá trình các thể chế xã hội tách rời khỏi sự kiểm soát của tôn giáo. Sự ra đời của chủ nghĩa đa nguyên tôn giáo và sự trỗi dậy của nhà nước thế tục đã làm giảm ảnh hưởng của các thể chế tôn giáo, gia tăng quyền lực của nhà nước.

“Nếu những tuyên bố có tính phổ quát về giáo hội như là một tổ chức cứu rỗi bị lung lay do chủ nghĩa đa nguyên tôn giáo được đưa vào từ cuộc Kháng Cách, tính độc quyền nghĩa vụ của giáo hội đã bị suy tàn bởi sự trỗi dậy của một nhà nước thế tục hiện đại có khả năng tập trung và độc quyền hóa các phương tiện bạo lực và cưỡng chế trong lãnh thổ của mình.” [3 tr.22]. Sự thế tục hóa được giải mã dựa trên lịch sử như vậy đã biểu thị điểm khởi đầu của một hiện tượng lịch sử trong đó nhiều tổ chức xã hội giành được độc lập hoặc cắt đứt quan hệ với các tổ chức tôn giáo, mọi thứ từng nằm dưới sự kiểm soát của các tổ chức tôn giáo giờ đây được chuyển sang phạm vi thế tục. Quá trình này làm mất đi sự hấp dẫn của hệ thống xã hội tôn giáo, làm giảm quyền lực của các tổ chức tôn giáo trong xã hội, khiến tôn giáo trở nên yếu thế hơn so với quyền năng đã có được trong quá khứ.

Sự suy yếu của tôn giáo, từng là một thể thống nhất kiến thức, lý trí và niềm tin, đã mở đường cho tư duy hiện đại – tư duy hợp lý hóa. Quá trình này chứng kiến con người từ bỏ ý muốn của Chúa, thay vào đó là sự ủng hộ khoa học như hình thức duy nhất của tri thức khách quan. Hợp lý hóa đã thay thế các giải pháp kỳ diệu bằng các giải pháp được tính toán và hợp lý. Jane Bennett đã lưu ý:

“Hợp lý hóa bao gồm nhiều quá trình liên quan, mỗi quá trình đều lựa chọn sự chính xác, đều đặn, liên tục và đáng tin cậy hơn là sự hoang dã, ngoạn mục, kỳ quái và đáng ngạc nhiên. Ngoài việc tránh xa những trò ma thuật^a như một chiến lược của ý chí (tức là mong muốn ‘khoa học’)..., hợp lý hóa còn hệ thống hóa kiến thức (tức là theo đuổi ‘sự thành thạo lý thuyết ngày càng tăng đối với thực tế thông qua các khái niệm ngày càng chính xác và trừu tượng’) ...; công cụ hóa tư duy (tức là đạt được một cách có phương pháp ‘mục đích thực tế thông qua tính toán ngày càng chính xác về các phương tiện thích hợp’)...; thế tục hóa các mối quan tâm siêu hình (tức là từ chối ‘tất cả các thước đo

không mang tính thực dụng’)...; và cuối cùng, thay thế các mối quan hệ truyền thống làm cơ sở của trật tự xã hội bằng những mối quan hệ dựa trên bản chất lý trí của con người.” [4 tr. 56-90]

Việc tìm kiếm chân lý đã trở thành nhiệm vụ của khoa học chứ không phải của thần học. Thế tục hóa cùng cố ý tưởng con người phải tự làm chủ số phận của mình, khiến nhiều học giả dự đoán rằng tôn giáo sẽ dần biến mất khi xã hội hiện đại khuyến khích tự lực cánh sinh thay vì dựa vào thần thánh. Sự chuyển dịch này hướng tới quyền tự chủ đã thúc đẩy tiến trình cá nhân hóa.

Hiện đại với chủ nghĩa cá nhân

Hiện đại, với những lời hứa và đặc điểm của nó, đã định hình xã hội đương đại sâu sắc, thúc đẩy tính tự chủ của con người qua tiến bộ công nghệ, thế tục hóa, hợp lý hóa và cá nhân hóa. Những tiến bộ này mang lại nhiều lợi ích, nhưng cũng đặt ra những thách thức phức tạp cho xã hội hiện đại. Vào thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa, chúng ta có thể thấy sự thống trị của một hệ tư tưởng mới gọi là chủ nghĩa cá nhân. Durkheim gọi đó “sùng bái cá nhân/cult of the individual”, một sự ưu tiên cho quyền tự chủ của cá nhân như là nền tảng của xã hội hiện đại. Trái ngược với chủ nghĩa tập thể, là hệ tư tưởng hạn chế ý chí của một cá nhân theo ý chí của toàn bộ nhóm mà người đó thuộc về. Nghĩa là người đó phải hy sinh các giá trị và mục tiêu của mình vì lợi ích lớn hơn của nhóm. Chủ nghĩa cá nhân tập trung vào việc thúc đẩy quyền tự do của các cá nhân vượt qua sự ràng buộc của thể chế xã hội với tinh thần: cá nhân là tối cao, là mục đích của chính mình và là đơn vị cơ bản của mối quan tâm về mặt đạo đức⁵. Niềm tin này đã vẽ nên một bức tranh tươi đẹp về cá nhân như là anh hùng trong câu chuyện của chính mình với cái tôi tự lực và độc lập

Ngày nay, ở phương Tây, mong muốn sống cuộc sống riêng của cá nhân trở nên phổ biến. Dù câu trả lời điều gì thúc đẩy mọi người hành động có thể là tiền bạc, công việc, quyền lực, tình yêu, Chúa, hoặc bất cứ điều gì, nhưng nó ngày càng hướng về thành quả của sự hứa hẹn: sống cuộc sống của riêng mình/a life of one's own.

“Tiền có nghĩa là tiền của riêng bạn, không gian có nghĩa là không gian của riêng bạn, thậm chí theo nghĩa cơ bản của một điều kiện tiên quyết cho một cuộc sống mà bạn có thể gọi là của riêng bạn. Tình yêu, hôn nhân và việc làm cha mẹ là cần thiết để gắn kết và giữ chặt câu chuyện cuộc sống lý tâm của riêng mỗi cá nhân. Sẽ không quá lời khi nói rằng cuộc đấu tranh hàng ngày cho một cuộc sống của riêng mình

^a“trò ma thuật/magic” trong ngữ cảnh [In addition to eschewing magic as a strategy of will (i.e., “scientific” desire] làm cho câu văn có hàm ý: hợp lý hóa là một quá trình loại trừ việc sử dụng giáo lý tôn giáo hoặc các thủ thuật tâm linh trong giải thích, chứng minh các hiện tượng tự nhiên và xã hội.

đã trở thành trải nghiệm chung của thế giới phương Tây. Nó thể hiện phần còn lại của cảm giác cộng đồng của chúng ta.” [6 tr. 22].

Ví dụ tiêu biểu nhất cho hệ tư tưởng này là “Giấc mơ Mỹ” do James Truslow Adams đặt ra. Giấc mơ Mỹ mô tả Mỹ như một vùng đất hứa, nơi mọi công dân đều có thể đạt được cuộc sống tốt đẹp, giàu có và hạnh phúc hơn, bất kể xuất thân hay địa vị. Ở Mỹ, người dân từ mọi tầng lớp đều có thể tìm thấy cơ hội tạo lập vị trí của mình trong xã hội. Hệ tư tưởng này khó có thể chấp nhận hay quảng bá rộng rãi trong thời cổ đại, khi chỉ những người có địa vị cao như vua, nữ hoàng, lãnh chúa mới có thể tìm kiếm sự thăng tiến [7].

Khái niệm về quyền tự chủ tuyệt đối của cá nhân trong xã hội hiện đại có thể gọi là “ý tưởng tân tự do về cá nhân thị trường tự do” chủ yếu được sử dụng để chỉ ý tưởng về chủ nghĩa tư bản thị trường tự do, trong đó tự do hóa kinh tế là đặc điểm thống trị trong nền kinh tế, khuyến khích giảm thiểu sự tham gia và kiểm soát của nhà nước và tăng cường khu vực tư nhân trong các hoạt động kinh tế. Không có gì ngạc nhiên khi chủ nghĩa tân tự do phù hợp với chủ nghĩa cá nhân như U.Beck đã viết:

“Kinh tế học tân tự do dựa trên hình ảnh về bản tính tự cung tự cấp của con người. Nó cho rằng chỉ có cá nhân mới có thể làm chủ toàn bộ cuộc sống của họ và rằng họ có được và đổi mới khả năng hành động của mình từ bên trong chính họ, nói một cách hình ảnh là “tự điều hành doanh nghiệp của chính mình/self-entrepreneur.” [6 tr.xxi].

Chủ nghĩa tân tự do và chủ nghĩa cá nhân đều thúc đẩy quyền tự do của mỗi cá nhân để quyết định, ảnh hưởng và hành động theo sự xác định của các điều kiện xã hội. Về bản chất, tuyên bố này phản ánh quan sát của U.Beck về cách những thay đổi của xã hội ảnh hưởng đến bản sắc và hành vi cá nhân, thúc đẩy các cá nhân trở thành tác nhân chủ động trong cuộc sống của chính họ, tự mình điều hướng các cơ hội cũng như các rủi ro. Trong điều kiện mỗi cá nhân nhân phải đối mặt và luôn chịu tác động nhiều luồng bất định của hệ thống xã hội – kỹ thuật đan xen vào nhau. Mỗi phát minh mới của kỹ thuật là một xác lập mới cho mỗi quan hệ xã hội. Mỗi quan hệ xã hội lại biến động theo phát minh mới của kỹ thuật. Cá nhân của thời hiện đại thứ hai được tạo ra từ sự “hỗn loạn” tưởng như bình thường và tưởng chừng có thể điều hướng được. “Xã hội hiện đại tồn tại trong hoạt động “cá nhân hóa” của nó, cũng giống như hoạt động của các cá nhân bao gồm việc định hình lại và đàm phán lại hàng ngày về các cam kết chung của họ được gọi là “xã hội”.[6 tr.xiv] “Cuộc sống của riêng mình” giờ đây là cuộc sống tự do nhưng hết sức bấp bênh trong xã hội – kỹ thuật cùng với những cộng hưởng của tác động chính trị và khủng hoảng sinh thái.

Hậu quả của hiện đại và sự xuất hiện xã hội rủi ro

Xã hội luôn bất an

U.Beck thừa nhận sự tồn tại của rủi ro do con người tạo ra trước đây trong xã hội thời Trung cổ và xã hội công nghiệp cổ điển nhưng cho rằng chúng không thể so sánh với rủi ro hiện đại. Mỗi đặc điểm của hiện đại đều tạo ra “hạt giống xấu” trong xã hội hậu hiện đại. Đặc trưng của những thảm họa và rủi ro do hiện đại sản sinh ra là: (1) vô hình và không thể phát hiện (2) mang tính toàn cầu hóa và là hậu quả của công nghiệp hóa mạnh mẽ. Rủi ro trong xã hội hậu hiện đại được nhìn nhận trên hai phương diện. *Thứ nhất* là những rủi ro hiện đại thường có khả năng ẩn náu ở những nơi bình thường, quen thuộc nhưng lại khó nhận biết hậu quả. Nếu như trước đây, rủi ro do ô nhiễm môi trường bởi rác thải, khí độc... bắt nguồn từ việc chưa có công nghệ làm sạch và ô nhiễm thường ở quy mô nhỏ, dễ nhận diện và xử lý thì ngày nay những rủi ro xã hội hiện đại lại có sự khác biệt về bản chất với tác hại lâu dài không lường trước được như ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, biến đổi gen... *Thứ hai* là những rủi ro hiện đại có tính quy mô lan rộng toàn cầu do công nghiệp hóa mạnh mẽ. Thảm họa trong một xã hội rủi ro có thể bắt nguồn từ một khu vực nhỏ. Nhưng nếu khu vực này kết nối với mạng lưới quốc tế, hậu quả của thảm họa có thể lan rộng sang các khu vực khác trên toàn thế giới. “Chúng là sản phẩm bán buôn của quá trình công nghiệp hóa và được tăng cường một cách có hệ thống khi nó trở thành toàn cầu.” [2 tr.21].

“Rừng cũng đã chết trong nhiều thế kỷ nay – đầu tiên là do bị biến thành cánh đồng, sau đó là do chặt phá bờ bãi. Nhưng cái chết của rừng hiện nay diễn ra trên toàn cầu, như là hậu quả ngầm của công nghiệp hóa – với những hậu quả xã hội và chính trị khá khác biệt. Các quốc gia có nhiều rừng như Na Uy và Thụy Điển, vốn hầu như không có ngành công nghiệp nào gây ô nhiễm nhiều, cũng bị ảnh hưởng. Họ phải giải quyết các khoản ô nhiễm của các quốc gia công nghiệp hóa cao khác bằng cách giết chết cây cối, thực vật và các loài động vật” [2 tr.74].

Một sự trùng hợp bất ngờ, ngày xuất bản cuốn *Xã hội rủi ro* của U.Beck lại trùng với ngày xảy ra thảm họa Chernobyl thuộc Liên Xô cũ – một trong những thảm họa nhân tạo tồi tệ nhất trong lịch sử, đó là ngày 26/4/1986. Thảm họa này buộc toàn bộ người dân Pripyat phải sơ tán vĩnh viễn, nhiều công nhân chịu cái chết đau đớn do hội chứng nhiễm xạ cấp tính. Các nhà khoa học ước tính sức nổ của thảm họa Chernobyl mạnh gấp 4 lần vụ ném bom Hiroshima và Nagasaki, vô tình chứng minh tính hợp lệ của luận điểm của U.Beck [8].

Ngày nay, Chernobyl vẫn là vùng đất không người ở. Thảm họa này đã dạy nhân loại một bài học quan trọng: nỗi sợ hãi vô hình đối với ô nhiễm phóng xạ. Một thảm họa như Chernobyl có thể không bao giờ xảy ra nữa, nhưng nỗi lo sợ về một thảm họa tương tự luôn ám ảnh con người hiện đại với tâm trạng sợ hãi về một tương lai bất định. Nhưng, thảm họa điển hình nhất của thế giới hiện đại là đại dịch COVID-19. Toàn cầu hóa đã đóng vai trò quan trọng trong việc lan truyền và gia tăng tốc độ lây nhiễm khiến cho căn bệnh này trở nên đáng sợ và khó kiểm soát hơn những dịch bệnh trước đây.

Trong xã hội hiện đại, các hoạt động xã hội thường bị lạm dụng bởi lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm. Các thông tin khoa học bị thao túng, sự bất công được phơi bày, làm cho công chúng bị mất niềm tin. Hậu quả của sự mất niềm tin này rõ rệt nhất là trong đại dịch COVID-19. Bản thân virus corona không quá nguy hiểm, nhưng nỗi sợ virus mới là điều nguy hiểm và sự kỳ thị thực sự đã được nhận thấy trong mọi người kể từ khi nó xuất hiện [9 tr.1-9]. Tác động của virus corona không chỉ giới hạn ở sức khỏe con người mà còn ảnh hưởng rất lớn đến các góc nhìn khác về cuộc sống [10 tr.1-27]. Từ khi căn bệnh này bùng phát, nỗi lo lắng, tin đồn và thông tin sai lệch trên toàn cầu cũng xuất hiện [11 e137-e138]. Sau đợt bùng phát đầu tiên của COVID-19 ở Trung Quốc, nhiều quốc gia đã đóng cửa biên giới, gây ra sự hoảng loạn cho những người ở bên ngoài quốc gia của họ [12 tr.39-55]. Nỗi sợ hãi và lo lắng về loại virus này không chỉ giới hạn ở một số cá nhân mà còn có tác động đáng kể trên toàn cầu. Mỗi quan ngại của công chúng về COVID-19 ở một số nơi đã dẫn đến việc mua ồ ạt các vật dụng như thiết bị bảo vệ cá nhân, thực sự hạn chế nguồn cung cấp các vật dụng thiết yếu cho nhân viên y tế [13 e18807]. Đợt bùng phát ban đầu của COVID-19 dẫn đến việc đưa tin rộng rãi trên mạng xã hội về bệnh COVID-19, cuối cùng dẫn đến tình trạng mua hoảng loạn các mặt hàng tiêu dùng như xà phòng, nước rửa tay và giấy vệ sinh đã tạo ra cảm giác thiếu hụt không đúng về các mặt hàng như vậy¹⁴. Đến lượt mình, điều này lại dẫn đến tình trạng thiếu hụt thực sự khi mọi người bắt đầu tích trữ các mặt hàng, dẫn đến nhu cầu và giá sản phẩm tăng mạnh [15 tr.52]. Theo một báo cáo nghiên cứu được công bố trên tạp chí Open Information Science, sự lan truyền thông tin sai lệch trong đại dịch cũng gây tổn hại như chính đại dịch. [16 tr.49-60]. Con người đã và đang “ngắm đòn” thảm họa do xã hội hiện đại gây ra từ chính sự tiến bộ của con người, từ những tác động tiêu cực của công nghệ hiện đại. Những tổn thất phổ biến do quá trình hiện đại gây ra nỗi lo sợ về tương lai không chắc chắn này đã tạo nên một dạng thức xã hội hiện đại mới/xã hội hậu hiện đại. Xét về thực chất là “xã hội rủi ro”.

Bất an cá nhân nhìn từ bản thể học

Chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa

Khác với đầu thế kỷ công nghiệp hiện đại, chúng ta đang trải qua một giai đoạn gọi là “hậu hiện đại” hoặc “hiện đại phân tử” hoặc “hiện đại lần thứ hai” khi mọi quan niệm truyền thống về hiện đại đều bị thách thức và phá vỡ dưới góc nhìn mới. Sự sùng bái lý tính đến mức mù quáng đã chấm dứt, con người đã nhận thức rõ hậu quả của công nghiệp hóa. Xã hội đang bị phân tán và tái thiết bởi xã hội phân tử – một xã hội nuôi dưỡng những cá nhân có khả năng nhìn nhận lại quá trình sống và hành động để thiết định lại vị thế, chuẩn mực, sở thích... của mình

Chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa như thế nào? Trong xã hội hậu hiện đại, những rủi ro xã hội ngày càng trở nên ám ảnh và đáng sợ hơn bởi quá trình cá nhân hóa trở thành chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa, do “những người được ban tặng ít nguồn lực hơn, và do đó có ít sự lựa chọn hơn, phải bù đắp cho điểm yếu cá nhân của họ bằng “sức mạnh của số đông” – bằng cách khép chặt hàng ngũ và tham gia vào hành động tập thể. Như Claus Offe chỉ ra, hành động tập thể, hướng đến giai cấp đến với những người ở dưới nấc thang xã hội một cách “tự nhiên” và “thực tế” như việc theo đuổi mục tiêu cuộc sống của cá nhân đến với người sử dụng lao động của họ”. [6 tr.15]

U.Beck coi sự phát triển mới này là một sự chuyển đổi phá vỡ cấu trúc xã hội truyền thống của hiện đại, trong đó “mọi người sẽ được giải phóng khỏi các hình thức xã hội của xã hội công nghiệp – giai cấp, phân tầng, gia đình, địa vị giới tính của nam và nữ – giống như trong thời kỳ Kháng Cách, mọi người đã được ‘giải thoát’ khỏi sự cai trị thể tục của Giáo hội vào xã hội.” [2 tr.87].

Quan niệm về chủ nghĩa cá nhân đã thay đổi? Thực ra, ý thức cá nhân chủ nghĩa được trình bày trong thời kỳ công nghiệp hiện đại ban đầu chỉ dành riêng cho giai cấp tư sản và chỉ họ mới có khả năng hiện thực hóa “giấc mơ” này. Nhưng ngày nay, một hiện tượng xã hội mới đã xuất hiện: cá nhân hóa đã thay thế chủ nghĩa cá nhân như là hệ tư tưởng thống trị của xã hội hiện đại.

“Các quá trình cá nhân hóa trong giai cấp tư sản về cơ bản bắt nguồn từ quyền sở hữu và tích lũy vốn. Giai cấp tư sản đã phát triển bản sắc xã hội và chính trị của mình trong cuộc đấu tranh chống lại các cấu trúc thống trị và quyền lực phong kiến. Ngược lại, vào cuối thời hiện đại, cá nhân hóa là sản phẩm của thị trường lao động và thể hiện ở việc tiếp thu, cung cấp và áp dụng nhiều kỹ năng làm việc khác nhau.” [2 tr.93].

Thị trường lao động trong thời hiện đại mới là thị trường mở rộng sự đan xen sự giao thương của các

quốc gia, ràng buộc người lao động phải phụ thuộc mọi mặt: phụ thuộc vào giáo dục, vào tiêu dùng, vào quy định và hỗ trợ từ xã hội, vào quy hoạch giao thông, cung cấp sản phẩm, khả năng và thời trang trong tư vấn và chăm sóc y tế, tâm lý và giáo dục... Mọi quyết định hoặc lựa chọn cuộc sống mà cá nhân đưa ra phải điều hướng được tình trạng hiện tại của cá nhân trong khi thị trường lao động có sự đan xen các thể chế quản lý khác nhau của các nước và luôn sàng lọc lao động hết sức khắc nghiệt bằng những tiêu chuẩn mà năng lực của cá nhân lại không dễ dàng thích ứng ngay được.

Thị trường lao động, một thời từng là biểu tượng của sự thịnh vượng và xa hoa, giờ đây đang khủng hoảng, đang tự gây ra vấn đề nghèo đói, dịch bệnh do khủng hoảng việc làm gây ra. Sự gia tăng lạm phát trên thị trường đang đẩy những người có việc làm đến bờ vực nghèo khổ mặc dù họ đã có công ăn việc làm. Nhưng với mức lương không đảm bảo đủ để cung cấp cho nhu cầu cơ bản hàng ngày thì dù có được việc làm cũng không đảm bảo cuộc sống ổn định. Người lao động hiện đại phải đối mặt với tình trạng kinh tế bấp bênh. Điều này thường xuyên gây ra tâm lý căng thẳng, lo sợ, khủng hoảng, căng thẳng, trong đó chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa là một trong những nguyên nhân chính. Vì “Cá nhân phi tuyến tính”^b có thể muốn phản tư nhưng không có thời gian cũng như không gian để phản tư. Anh ta là một người kết hợp. Anh ta kết hợp các mạng lưới, xây dựng liên minh, thực hiện các giao dịch. Anh ta phải sống, bị buộc phải sống trong một bầu không khí rủi ro mà trong đó kiến thức và những thay đổi trong cuộc sống là bấp bênh.” [6 tr.ix]

Xã hội hiện đại khuyến khích mở rộng thị trường lao động sang các khu vực khác trên thế giới khi ngày càng có nhiều người lao động có khả năng chuyển ra nước ngoài để làm việc. “Chủ nghĩa thế giới thực chất là một đặc tính của cá nhân cũng như của hệ thống toàn cầu. Thật vậy, bản thân chủ nghĩa thế giới giả định một sự dịch chuyển nhất định về vị trí chiến lược, cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, ra khỏi nhà nước dân tộc” [6 tr.x]. Toàn cầu hóa là phi truyền thống hóa, cá nhân lại phải sống cuộc đời “du mục” khi thị trường lao động không còn bị hạn định trong phạm vi quốc gia. Sự dịch chuyển qua nhiều địa phương, quốc gia đòi hỏi cá nhân phải thường xuyên thích ứng với nhu cầu mới. Bản sắc cá nhân được hình thành thông qua sự giao thoa, kết hợp, thậm chí là sự lai ghép văn

hóa trong quá trình hòa nhập xã hội. Quá trình hình thành, bản sắc của cá nhân này lại xung đột với bản sắc của các cá nhân khác.

Trong thị trường lao động, người sử dụng lao động đứng về phía cầu và người lao động đứng về phía cung. Tính biến động của thị trường lao động đã tăng lên quá mức sau khi phi truyền thống hóa và cá nhân hóa cấu trúc xã hội hiện đại. Người lao động không còn bị giới hạn trong vòng tròn xã hội hạn hẹp. Họ có thể tự học, chủ động tự đào tạo trong chuyển đổi ngành nghề. Các nhà tuyển dụng cũng không còn tuân theo phân loại truyền thống, họ thuê người dựa trên năng lực. “Sự không hoàn thiện của bản thân” [6 tr.xxi] thúc đẩy con người hiện đại dần thân vào cuộc hành trình không bao giờ kết thúc để xây dựng bản sắc cá nhân trong xã hội rộng lớn này.

Cá nhân hóa đã hiện thực hóa hàng loạt giấc mơ giải phóng từng được chủ nghĩa cá nhân gieo vào tâm trí con người trong những ngày đầu phát triển của thời hiện đại. Ngày nay, bất kỳ ai cũng có thể tự mình trải nghiệm cuộc sống theo sự lựa chọn của bản thân, cụ thể là lối sống và hình thức sống khác biệt và đa dạng. Chúng ta được phép làm bất cứ điều gì mình muốn cho cuộc sống của chính mình, theo nghĩa chặt chẽ nhất của nó. Cách sống này tất yếu sẽ phá bỏ những ràng buộc xã hội cũ (ý thức giai cấp, văn hóa giai cấp, vai trò giới tính, vai trò gia đình...), điều đó có nghĩa là bản sắc của chúng ta không còn được xác định theo cách phân loại đã nói ở trên nữa.

U.Beck đã lưu ý sự lưu ý đến sự khác biệt giữa ý tưởng tân tự do về cá nhân trong thị trường tự do (không thể tách rời khỏi khái niệm “cá nhân hóa” được sử dụng ở các nước nói tiếng Anh) và khái niệm Individualisierung theo nghĩa chủ nghĩa cá nhân được thể chế hóa của thị trường tự do.

Ý tưởng tân tự do về cá nhân của thị trường tự do là xây dựng “hình ảnh cái tôi về con người tự chủ” - Cái Tôi tồn tại - mô tả một cá nhân được kỳ vọng là hoàn toàn tự lực, có khả năng cạnh tranh và chịu trách nhiệm cho phúc lợi và thành công của chính mình mà không phụ thuộc vào mạng lưới an toàn xã hội hoặc hỗ trợ cộng đồng. Chủ nghĩa tân tự do, nhấn mạnh vào tự do thị trường, tinh thần kinh doanh cá nhân và sự can thiệp tối thiểu của nhà nước, thúc đẩy ý tưởng rằng các cá nhân nên tự quản lý rủi ro của chính mình, cho dù trong giáo dục, chăm sóc sức khỏe hay việc làm. Hình ảnh mẫu “cái tôi về con người tự chủ” (như là cá nhân hóa) là doanh nhân tự thân/self entrepreneur.

Nhưng trong thực tế cuộc sống, cá nhân chỉ là một phần tử của các mạng lưới xã hội phức tạp ở mỗi cấp độ. Chỉ dựa vào những mối quan hệ này mới đạt được hạnh phúc và thành công. Vì cuộc sống của riêng cá

^b“Cá nhân phi tuyến tính/The non-linear individual” là cá nhân phải thường xuyên đánh giá lại bản sắc và hướng đi của mình, thích nghi với một thế giới mà chỉ riêng họ phải chịu trách nhiệm điều hướng những phức tạp của cuộc sống, thể hiện một hình thức tự do mới của cá nhân nhưng cũng là một hình thức dễ bị tổn thương khi đối mặt với rủi ro hệ thống.

nhân không phải là cuộc sống hoàn toàn biệt lập với cá nhân khác trong xã hội. Xã hội ổn định và phát triển thì cuộc sống chuẩn mực của cá nhân như là hình ảnh doanh nhân tự thân mới được tạo lập từ sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, giá trị cá nhân và giá trị xã hội, giữa quyền và nghĩa vụ cá nhân. Thực chất, quan niệm tư tưởng về cái tôi của con người tự chủ “cuối cùng ngụ ý sự biến mất của bất kỳ ý thức nào về nghĩa vụ chung – đó là lý do tại sao chủ nghĩa tân tự do chắc chắn đe dọa nhà nước phúc lợi.” [6 tr.xxii]

Cá nhân hóa (Individualisierung) trong quan niệm của U.Beck là theo nghĩa chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa. Định nghĩa đơn giản: “cá nhân hóa” có nghĩa là tách rời mà không tái gắn kết “Cá nhân đang trở thành đơn vị cơ bản của sự tái sản xuất xã hội lần đầu tiên trong lịch sử.” [6 tr.xxii].

Vì quá trình phi truyền thống hóa của thời hiện đại đã mở ra một nghịch lý mới: những người từng bị ràng buộc bởi đủ loại thiết chế, giờ đây đang bị ném vào xã hội mới hoàn toàn tự lập. Con người hiện đại giờ đây buộc phải tự mình làm chủ cuộc sống của chính mình, dù họ có muốn hay không, như cái giá phải trả cho sự tự do tuyệt đối. Họ phải tự mình trở thành trung tâm cho việc lập và lựa chọn phương án thực thi kế hoạch cho cuộc sống của chính mình – Tôi là Tôi (như mong muốn). Sự sáng tạo của cá nhân mà nó giải phóng được coi là tạo ra không gian cho sự đổi mới của xã hội chỉ có trong điều kiện lý tưởng. Còn ở đây, trong xã hội hiện đại mới, thì lý tưởng này không đạt được và cũng không làm cho cuộc sống con người tốt hơn lên. Vì “vòng xoáy cá nhân hóa phá hủy nền tảng chung sống xã hội đã có” [6 tr.xxii]. Biên độ lựa chọn phương án cho mục đích sinh tồn rất rộng, nhưng vì *năng lực của cái tôi-tự chủ không thể đáp ứng ngang bằng cho cái tôi-mong muốn*, nên họ buộc phải lựa chọn trong sự chấp nhận rủi ro. Cho nên “Đó không phải là sự tự do lựa chọn, mà là sự hiểu biết sâu sắc về sự không hoàn thiện căn bản của bản thân, vốn là cốt lõi của sự tự do cá nhân và chính trị trong thời hiện đại thứ hai.” [6 tr.xxi]. Đó cũng chính là bi kịch của con người hiện đại.

Diễn giải rõ hơn “cá nhân hóa bao gồm việc biến đổi “bản sắc” của con người từ “được cho” biến thành “nhiệm vụ” – và giao cho các diễn viên trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đó và hậu quả (cũng như tác dụng phụ) của việc thực hiện của họ: nói cách khác, nó bao gồm việc thiết lập quyền tự chủ “theo luật/de jure” (mặc dù không nhất thiết phải là quyền tự chủ “trên thực tế/de facto”). Con người không còn “sinh ra trong” bản sắc của họ nữa” [6 tr.xv]. Mỗi cá nhân phải thường xuyên nỗ lực cập nhật và phát triển “tiểu

sử phản tư” (reflexive biography)^c trọng tâm là kiến thức, kỹ năng thật ấn tượng để đáp ứng yêu cầu công việc. Một tiểu sử phản tư như vậy phụ thuộc vào “quyết định của người thực hiện” [6 tr.88].

Tổng quan của U.Beck về cá nhân hóa là: Cá nhân hóa (a) là một đặc điểm cấu trúc của các xã hội có sự khác biệt cao và (b) không chỉ không ngăn cản sự hội nhập mà còn làm cho nó trở nên khả thi (trong điều kiện lý tưởng). Sự sáng tạo cá nhân mà nó giải phóng được coi là không gian sáng tạo cho sự đổi mới của xã hội trong điều kiện thay đổi triệt để. Nhưng “Trong thời hiện đại phát triển – nói một cách thẳng thắn – sự tương hỗ của con người và cộng đồng không còn dựa trên các truyền thống được thiết lập vững chắc nữa mà dựa trên tính tập thể nghịch lý của cá nhân hóa qua lại/paradoxical collectivity of reciprocal individualization.” [6 tr.xxi].

Tính tập thể nghịch lý của cá nhân hóa qua lại xuất hiện trong quá trình mỗi cá nhân xác lập quyền tự chủ. Khi mỗi người bước vào hành trình tự định đoạt cuộc đời mình, họ dần rời xa những truyền thống và những ràng buộc xưa cũ với mong muốn tìm thấy sự tự do trong chính mình. Thế nhưng, trong chính cuộc truy cầu ấy, họ cũng nhận ra nhiều người cũng có mong muốn như mình. Ai cũng không ngừng khẳng định bản sắc của mình trước bản sắc của những người khác. Họ như những sợi len đan vào nhau nhưng mỗi người phải là sợi len nổi bật nhất trong một tấm thảm của sự tồn tại chung. Một mạng lưới vô hình được hình thành, nơi mỗi người tự do chọn con đường riêng nhưng lại bị cuốn vào những mạch sống chung trong sự lựa chọn của nhau và xung đột lẫn nhau.

Tính tập thể nghịch lý của cá nhân hóa qua lại thể hiện sự độc lập cá nhân không phải là sự biệt lập, nên mỗi cá nhân vẫn phải đi tìm sự liên kết trong niềm khao khát chung, đó là: tự do thể hiện và tự định hình bản thân. Trong sự liên kết đã bị thể chế hóa này, từng cá nhân vừa là một cái tôi tự lập vừa là một phần tử của một tập thể mới, nơi họ luôn phải nỗ lực không ngừng nghỉ để sáng tạo, để làm mới chính mình để khẳng định sự tồn tại của mình.

Hậu quả tâm lý từ cá nhân hóa thành chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa

Tính tập thể nghịch lý của cá nhân hóa qua lại làm cho “bất bình đẳng không hề biến mất. Chúng chỉ được định nghĩa lại theo hướng cá nhân hóa các rủi ro xã hội. Kết quả là các vấn đề xã hội ngày càng được nhận

^c reflexive biography (tiểu sử phản tư): cá nhân phải xây dựng câu chuyện cuộc đời của mình, đưa ra những lựa chọn xác định mình là ai, liên quan đến việc hiểu và điều hướng cuộc sống của mình, thể hiện quá trình các cá nhân tự tạo ra bản sắc và con đường sống của mình trong một xã hội hiện đại mới đầy rủi ro.

thức theo hướng tâm lý: như sự bất cập cá nhân, cảm giác tội lỗi, lo lắng, xung đột và chứng rối loạn tâm thần. Một cách nghịch lý, xuất hiện một sự gắn gũi mới giữa cá nhân và xã hội [là] một mối quan hệ trực tiếp giữa khủng hoảng và bệnh tật. Các cuộc khủng hoảng xã hội xuất hiện như là các cuộc khủng hoảng [của] cá nhân, không còn (hoặc chỉ rất gián tiếp) được nhận thức theo hướng bắt nguồn từ lĩnh vực xã hội. Đây là một trong những lời giải thích cho sự hồi sinh hiện nay của mối quan tâm đến tâm lý học. Định hướng thành tích cá nhân cũng trở nên quan trọng hơn. Bây giờ có thể dự đoán rằng toàn bộ các vấn đề liên quan đến xã hội thành tích và xu hướng hợp pháp hóa (giả tạm) các bất bình đẳng xã hội của nó sẽ xuất hiện trong tương lai.” [6 tr.39-40]

Cuộc sống của chính bạn nên mọi sự thất bại là do chính bạn mà ra. Tắc nhân thất bại do xã hội đổ ập xuống nhưng cá nhân phải gánh chịu hậu quả với cảm giác tội lỗi là do mình. Họ không thể đổ lỗi do bất công xã hội, mà chỉ có chính mình là đối tượng của sự trách móc. “Logic” của xã hội hậu hiện đại buộc con người phải suy nghĩ như sau: Nếu bạn bệnh là do bạn không biết cách phòng ngừa để bảo vệ sức khỏe. Nếu bạn nghèo, không phải vì xã hội đã áp đặt lên bạn, mà vì bạn chưa đủ nỗ lực, chưa đủ kiên trì, chỉ đơn giản bạn là một cá nhân yếu kém. Trong một xã hội cổ vũ thành công cá nhân và đề cao sự ganh đua, cảm giác thất bại trở nên đau đớn gấp bội đã đẩy mỗi người vào trạng thái không ngừng nỗ lực chỉ để khẳng định mình. Và không ít lần phải nỗ lực trong vô vọng. Vì với một thị trường lao động luôn cạnh tranh khốc liệt và tàn nhẫn, để có được một công việc như mong muốn, bạn cần phải xây dựng một “tiểu sử đặc sắc”, nổi bật giữa đám đông. “Áp lực cạnh tranh ngày càng tăng dẫn đến sự cá nhân hóa giữa những người bình đẳng, tức là chính xác trong các lĩnh vực tương tác và hành vi được đặc trưng bởi một nền tảng chung (giáo dục như nhau, kinh nghiệm như nhau, kiến thức như nhau). Đặc biệt là khi nền tảng chung như vậy vẫn tồn tại, cộng đồng sẽ bị hòa tan trong bể axit của sự cạnh tranh.” [6 tr.33]. Nỗi lo sợ bị loại khỏi thị trường lao động khiến mọi người phải không ngừng cải thiện năng lực bản thân. Việc “học tập suốt đời” giờ đây không còn là một khẩu hiệu tạo động lực mà trở thành một mệnh lệnh nghiệt ngã. Mỗi cá nhân phải tự mình thực hiện, không chỉ để tồn tại mà còn để tránh bị bỏ rơi bên lề xã hội.

U.Beck đã viết: “Hành vi sống mang tính phản tư, việc lập kế hoạch cho tiểu sử và các mối quan hệ của cá nhân làm nảy sinh một sự bất bình đẳng mới – sự bất bình đẳng trong việc giải quyết tình trạng bất an và tính phản tư.” [2 tr.98]. Sự bất bình đẳng không còn dựa trên giai cấp, giới tính, hay sắc tộc mà là khả

năng tự quản lý cuộc sống. Con người hậu hiện đại dường như bị ép buộc phải trở thành anh hùng của câu chuyện cá nhân mình – phải vượt qua những bức bách kinh tế và khủng hoảng bản thể mà cuộc sống hiện đại đặt lên vai họ. Chính điều này tạo ra cảm giác mất phương hướng và căng bức thường xuyên. Vì “Cuộc sống của chính mình là cuộc sống phản tư. Phản tư xã hội – quá trình xử lý thông tin mâu thuẫn, đối thoại, đàm phán, thỏa hiệp – gần như đồng nghĩa với việc sống cuộc sống của chính mình. Quản lý tích cực (và có vẻ như đó là từ đúng) là cần thiết để tiến hành cuộc sống trong bối cảnh các yêu cầu xung đột và không gian bất ổn toàn cầu. Tự nhận thức và tự quyết định không chỉ là mục tiêu cá nhân; chúng thường là giải pháp tạm thời của công chúng, mặt trái của các vấn đề mà tất cả các hệ thống cục bộ đổ lỗi đầu công dân bằng cách đột nhiên coi họ là ‘trưởng thành và có trách nhiệm’. Sự ép buộc phải tự nhận thức này, sự ra đi đến lục địa xa lạ của cuộc sống của chính mình, song hành với sự hội nhập vào các bối cảnh toàn cầu... Cấu trúc xã hội của cuộc sống toàn cầu của một người do đó xuất hiện cùng với sự phân hóa và cá nhân hóa liên tục - hay nói chính xác hơn, với sự cá nhân hóa của các giai cấp, nhóm dân tộc, gia đình hạt nhân và những tiểu sử bình thường nữ giới. Theo cách này, các phạm trù xã hội cố định trên toàn quốc của xã hội công nghiệp bị giải thể hoặc biến đổi về mặt văn hóa. Chúng trở thành ‘phạm trù cây mai’, đã chết nhưng vẫn tồn tại.” [6 tr 26 -27]

Cái giá phải trả của sự nỗ lực tự lập có được tự do cá nhân lại là cảm giác cô đơn gặm nhấm tâm hồn vì họ luôn lạc lõng trong chính tập thể mới này. “Trong quá trình tìm kiếm cho chính mình và cho một xã hội nhân ái, nó dễ dàng bị lạc trong khu rừng của cái tôi... Một người đang tìm kiếm chính bản thân mình trong đám sương mù vây bọc sẽ không còn khả năng nhận ra sự cô lập này là ‘sự giam cầm của bản ngã cô đơn/solitary confinement of the ego’, là một bản án chung cho số đông.” [6 tr.xviii]. Tàn nhẫn hơn nữa là xã hội dường như đứng ngoài sự quan tâm của cá nhân, nhưng lại là một lực vô hình sẵn sàng nhấn chìm cá nhân trước những thử thách và thất bại khi cá nhân gặp rủi ro.

Xác lập quyền riêng tư của cá nhân trong chủ nghĩa cá nhân là khát vọng chính đáng và cần được tôn trọng. Nhưng khi chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa, thì đó lại là cạm bẫy của sự cô đơn trong cuộc sống đầy dẫy bất an. Cũng như việc tôn trọng quyền tư hữu từng được xem là điều tất yếu để thúc đẩy tiềm năng sáng tạo của con người. Nhưng khi quyền tư hữu được thiết định thành chế độ tư hữu – chế độ mà K.Marx đòi xóa bỏ – thì lịch sử đã chứng kiến biết bao máu và nước mắt rơi xuống trong những đêm dài tăm tối. Giờ đây, những

dòng nước mắt và máu ấy lại có thêm sự hòa lẫn nỗi bi quan lo sợ trước những tai ương và thảm họa luôn sẵn sàng đổ ập xuống thân phận con người.

Trong xã hội hiện đại mới, tưởng chừng như cá nhân được tự do nhưng thực tế mỗi cá nhân vẫn luôn bị uốn nắn và định hình bởi một xã hội luôn đòi hỏi họ phải không ngừng xây dựng bản sắc và tương lai. Trong xã hội ấy, khi các cộng đồng truyền thống dần tan biến, tự do hóa thành một cuộc hành trình mà họ phải nỗ lực trong những liên kết mới. Điều này dẫn tới một vòng lặp không ngừng của sự ràng buộc. Phá bỏ xiềng xích cũ để rồi lại vướng vào những ràng buộc của xiềng xích mới đầy sự vô cảm, vô trách nhiệm mà cứ phải chịu ràng buộc. Tại sao? Tại vì sự phụ thuộc vào hoàn cảnh xã hội đã là một phần bản thể của quá trình chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa.

Trong xã hội hiện đại mới, sự khác biệt cá nhân với nghĩa là cá nhân hóa – như một cái Tôi phản tư hoàn toàn tự chủ – không còn là tiếng reo vui của sự tự do, mà trở thành bước đi nặng nề đầy áp lực trong những luống xã hội luôn đòi hỏi sự chuẩn hóa. Nơi đó, mỗi cuộc đời là một bản nhạc ngập tràn sự thịnh lặng cô đơn. Chủ nghĩa cá nhân bị thể chế hóa không đem lại sự bình yên mà hầu như trói buộc từng người vào một sự xáo trộn của một guồng quay mới. Nơi đó, tự do trở thành gông cùm cho chính cá nhân.

Tôn giáo trong xã hội rủi ro – Một Thiên Chúa của riêng mình như là tôn giáo của cá nhân hóa

Xã hội đã và đang hình thành các chiến thuật khác nhau để đối phó với những rủi ro trong xã hội hậu hiện đại. Nhiều thuật ngữ như phản hiện đại, hậu hiện đại, hiện đại mới hoặc hiện đại thứ hai đã được đặt ra để chỉ các phong trào xã hội phản ứng với tình hình thế giới đương đại. Trong tác phẩm *Một Thượng đế của riêng mình*, U.Beck tin rằng việc triển khai các tổ chức tôn giáo trong thế giới hậu hiện đại có thể được phân thành ba chế độ như một phản ứng đối với các phong trào xã hội trên.

“Chúng ta có thể phân biệt giữa ba chế độ lớn đặc trưng cho việc tiếp thu tôn giáo trong thời đại hiện đại: (a) phản hiện đại, (b) hậu hiện đại và (c) chế độ hiện đại thứ hai. Và thực sự, cốt lõi của sự bất an và bất ổn đang bao trùm thế giới tôn giáo là thực tế mà tất cả tôn giáo đều phải đối mặt với những lựa chọn thay thế này. Các tôn giáo buộc phải quyết định giữa các xu hướng phản hiện đại, hậu hiện đại và hiện đại thứ hai, các dòng truyền thống và tầm nhìn về tương lai. Mặt khác, trong cuộc tranh luận về hiện đại này, các tôn giáo phải loại trừ các thái cực kết hợp chúng lại, hoặc đưa chúng vào trạng thái cùng tồn tại hòa

binh bằng cách xây dựng một sự đa dạng bên trong. Điều này khiến các tôn giáo lớn có thể chia rẽ - thực tế, một số tôn giáo thậm chí còn tự xóa nhòa vai trò của mình, tự lụy tàn hoặc bị những tôn giáo khác tiếp quản; những sự hoán vị mới xuất hiện và đấu tranh để đạt được hình thức thể chế trong không gian xuyên quốc gia. Vì không giống như các quốc gia và nhà nước, tôn giáo là ‘những tác nhân toàn cầu’ – không giống như vốn lưu động và các phong trào vận động của các xã hội dân sự” [17 tr.132].

Khi tình trạng chung của xã hội thay đổi, mọi bộ phận của nó cũng phải thích nghi, không bộ phận nào bị bỏ lại. Dù bị nhiều người theo chủ nghĩa thế tục hoặc vô thần gạt sang một bên, tôn giáo vẫn là một phần của thế giới đương đại và thay đổi cùng với nó. Phản ứng rõ ràng và tự nhiên nhất đối với hiện đại là chống lại nó, dẫn đến nhiều xu hướng phản hiện đại, chủ yếu dưới biểu ngữ “chủ nghĩa tôn giáo chính thống”. Tuy nhiên, thuật ngữ “chủ nghĩa tôn giáo chính thống” lại gây tranh cãi do tính tùy tiện và mơ hồ trong cách sử dụng.

Vào thời kỳ đầu, thuật ngữ *chủ nghĩa tôn giáo chính thống* được dùng để mô tả một phong trào tôn giáo cụ thể, phấn đấu bảo vệ sự không thể phản tư và tính chính xác về mặt lịch sử của Kinh thánh, do đó biến thuyết tiến hóa và phê bình kinh thánh thành kẻ thù không đội trời chung của chúng [18 tr.117]. Chủ nghĩa tôn giáo chính thống thường gắn liền với các nhóm tôn giáo Cơ đốc. Nhưng ngày nay, thuật ngữ này cũng có thể được sử dụng cho tôn giáo ngoài Cơ đốc, như một nhãn hiệu của nhiều nhóm phục hưng tôn giáo khác [19 tr.269-270]. Trong bài báo của mình, Martin Riesebrodt định nghĩa chủ nghĩa tôn giáo chính thống là “một loại phong trào phục hưng tôn giáo cụ thể phản ứng với những thay đổi xã hội được coi là một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng” [19 tr. 271]. Điều này có nghĩa là chủ nghĩa chính thống được hình thành như một phản ứng đối với, hoặc mạnh mẽ hơn, là một sự trả đũa đối với những thay đổi có khả năng đe dọa bản sắc hoặc vị thế xã hội của một số nhóm xã hội nhất định. U.Beck đưa điều này đi xa hơn nữa để chứng minh quan điểm của mình:

“Một mặt, những lập luận hiện đại ủng hộ chủ nghĩa phản hiện đại tôn giáo có thể được chất lọc từ sự kết hợp giữa chủ nghĩa hậu thực dân và chủ nghĩa hậu hiện đại. Những lập luận như vậy ủng hộ sự trở lại với nền tảng chính thống tiến thực dân, tiến hiện đại của các chân lý và thực hành tôn giáo. Phản ứng này sẽ vừa hiện đại vừa phản hiện đại, trong chừng mực nó sử dụng chủ nghĩa hậu hiện đại để bác bỏ chủ nghĩa hiện đại và khẳng định vì lý do đó rằng chỉ có một câu chuyện tôn giáo đích thực, chỉ có một con đường

tôn giáo đích thực dẫn đến hành vi thực sự của cuộc sống và sự hình thành xã hội và chính trị (bất kỳ ai định nghĩa và chấp thuận điều này vì lợi ích của bất kỳ ai). Nhưng vì không thể thoát khỏi sự hiện diện phổ biến của nhiều tuyên bố về chân lý tôn giáo, nên những tuyên bố này không thể bị loại bỏ bằng cách nhắm mắt làm ngơ. Ngược lại, sự bác bỏ như vậy chỉ đơn giản là áp đảo chúng, và điều này đến lượt nó gây ra phản ứng hiệu chiến, phản hiện đại trong sự tự vệ thuần túy. Sự cải đạo tôn giáo giúp có thể cảm vũ khí chống lại chủ nghĩa thực dân, đế quốc, tương đối, hư vô “man rợ của chủ nghĩa hiện đại”. Xét đến mức cực đoan về mặt logic, điều này dẫn đến chủ nghĩa khủng bố của Al-Qaeda”. [17 tr.132-133]

Cũng trong tác phẩm *Một Thượng đế của riêng mình*, U.Beck quan niệm chủ nghĩa tôn giáo chính thống là sự phục hồi các chân lý và thực hành tôn giáo từ thời kỳ tiền thực dân và tiền hiện đại. U.Beck cho rằng để trở lại điều này, người ta phải tin vào một quá khứ huy hoàng đã mất, một kỷ nguyên không bị vấy bẩn bởi chủ nghĩa thực dân và hiện đại. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh rằng sự trở lại này không có nghĩa là tái tạo toàn bộ kỷ nguyên tiền thực dân, điều này là không thể. Thay vào đó, mục tiêu là kỷ nguyên trước “chủ nghĩa thực dân phương Tây hiện đại/modern Western colonialism” khi các nền văn minh chưa bị phá hoại bởi dự án Cơ đốc giáo hóa toàn cầu.

“Bạo lực và sự tàn ác không thể tưởng tượng được đã có thể tự hợp pháp hóa bằng cách tranh thủ sự trợ giúp của khái niệm những người không tin Chúa cần phải cải đạo vì lợi ích của linh hồn họ. Mọi sự phản đối, và đặc biệt là thế giới quan, giá trị và nghi lễ tôn giáo của những người bị thực dân hóa, đã bị phá hủy bởi sự pha trộn giữa chinh phục và công việc truyền giáo.” [17 tr.56]. Các phong trào tôn giáo chính thống trong xã hội đương đại, trên thực tế, được nuôi dưỡng để xóa bỏ di sản của chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc và hiện đại phương Tây. Nhưng trước chủ nghĩa thực dân thì có gì? Đối với những người theo chủ nghĩa tôn giáo chính thống, đó là “chân lý tôn giáo thuần túy của tôn giáo của họ, chân lý không bị hủy hoại bởi phiên bản hiện đại của phương Tây.” [17 tr.133].

Giải thích của U.Beck về chủ nghĩa tôn giáo chính thống cho thấy nó có thể dễ dàng biến thành bạo lực trên con đường tìm kiếm sự đối lập hoàn toàn với xã hội đa nguyên hiện đại khi những người theo chủ nghĩa này nhận ra họ không thể hiện thực hóa giấc mơ về một chân lý duy nhất và cũng không thể xóa bỏ các tuyên bố chân lý khác. Đối mặt với thực tế khắc nghiệt này, họ có xu hướng thực hiện các biện pháp cực đoan và phong trào này có thể leo thang thành lực lượng khủng bố. Chủ nghĩa tôn giáo chính thống là phương tiện giúp các nhóm xã hội dễ bị tổn thương

đối phó với vị thế nguy hiểm của họ. Ngược lại, chủ nghĩa hậu hiện đại phản ứng với hiện đại bằng cách nhấn mạnh tác động của sự cá nhân hóa lên mỗi cá nhân trong thế giới hiện đại cùng với đức tin tôn giáo của họ. Hậu hiện đại phê phán hiện đại mà không sử dụng chủ nghĩa tôn giáo chính thống, cố gắng giải quyết sự cạnh tranh giữa chân lý khoa học và chân lý tôn giáo. “Hậu hiện đại tôn giáo phá vỡ ít nhất một nguyên tắc cơ bản của thế tục, hiện đại đầu tiên, cụ thể là với trật tự phân cấp của kiến thức khoa học và niềm tin tôn giáo – nói cách khác, với học thuyết cho rằng khoa học hiện đại là hình thức duy nhất của kiến thức khách quan về thế giới” [17 tr.134].

Trong khi sự đa dạng của các tuyên bố về chân lý trong xã hội hiện đại làm phiền những người theo chủ nghĩa tôn giáo chính thống phản hiện đại, thì những người theo chủ nghĩa hậu hiện đại lại chào đón nó. Hiện đại bắt đầu bằng cách bác bỏ chân lý tôn giáo như chân lý tối thượng và thay thế bằng chân lý khoa học. Khoa học trở thành nguồn kiến thức chính, và bất kỳ nguồn nào không phải khoa học đều bị coi là một sự “báng bổ”. Với những người theo chủ nghĩa hậu hiện đại, điều này khiến khoa học không khác gì tôn giáo. Trong xã hội hậu hiện đại, không có chân lý tối cao, và tính hợp lệ của kiến thức hoàn toàn phụ thuộc vào mỗi cá nhân.

“Chủ nghĩa hậu hiện đại tôn giáo dựa trên giả định rằng không thể lựa chọn giữa các ‘chân lý’ về mặt trí tuệ. Ở mức độ đó, chúng ta có thể và phải đưa ra lựa chọn của mình một cách thực dụng – và chúng ta làm như vậy từ quan điểm ‘điều gì có lợi cho tôi’. Chân lý, cái đẹp, lòng tốt và tình yêu – tất cả đều ‘trong mắt của người nhìn’. Nghịch lý của chủ nghĩa hậu hiện đại tôn giáo có thể được tóm tắt như sau: tính linh động chủ quan, văn hóa của các niềm tin tôn giáo làm suy yếu sự chắc chắn tối thiểu mà các cá nhân cần có để hình thành bản sắc cá nhân với tư cách là những người tin tưởng phải chịu trách nhiệm trong mọi khía cạnh của xã hội.” [17 tr.135].

Trong một xã hội rui ro và cá nhân hóa mạnh mẽ, mỗi người phải chịu trách nhiệm cho số phận và niềm tin tôn giáo của mình. Cá nhân hóa, cùng với “tính linh động chủ quan và văn hóa của các niềm tin tôn giáo”, cho phép mọi người chọn niềm tin phù hợp với sở thích cá nhân, thay vì chấp nhận niềm tin do xã hội áp đặt. Điều này tạo ra các hình thức tôn giáo mới như “Chúa của riêng mình”. Trong bối cảnh châu Âu hiện đại hóa, mọi niềm tin tôn giáo đều phải qua quá trình tự phản tư của cá nhân. Các cá nhân sử dụng kinh nghiệm tôn giáo của mình để xây dựng nơi trú ẩn tâm linh, “mái che thiêng liêng” của riêng mình. Cá nhân đưa ra quyết định về đức tin của mình, và không còn đơn thuần hoặc chủ yếu tuân theo nguồn

gốc hoặc tổ chức tôn giáo mà họ sinh ra. Tuy nhiên, “điều này không có nghĩa là tôn giáo đã kết thúc, mà chỉ báo hiệu sự gia nhập vào câu chuyện tự mâu thuẫn về “tôn giáo thế tục” mà chúng ta có nhiệm vụ giải mã” [17 tr.16].

Xu hướng cá nhân hóa đòi hỏi mỗi người được quyền chọn con đường tâm linh của mình, buộc tôn giáo phải tạo ra không gian tự do cho cá nhân thực hành đức tin. U.Beck gọi xu hướng này là cá nhân hóa tôn giáo, hay “một Thiên Chúa của riêng mình”. Điều này giới thiệu nhiều khái niệm mới về niềm tin tôn giáo cá nhân và các giải thích lý thuyết như lý thuyết kinh tế tôn giáo và khái niệm tôn giáo tiêu dùng.

Trong kinh tế tôn giáo, tôn giáo được coi là một tác nhân kinh tế với nền kinh tế riêng. Trong cuốn *Hành vi đức tin: Mật nhân văn của tôn giáo*, Stark và Finke định nghĩa các đặc điểm của nền kinh tế tôn giáo:

“Nền kinh tế tôn giáo bao gồm tất cả các hoạt động tôn giáo diễn ra trong bất kỳ xã hội nào: một ‘thị trường’ gồm những tín đồ hiện tại và tiềm năng, một tập hợp gồm một hoặc nhiều tổ chức tìm cách thu hút hoặc duy trì tín đồ, và văn hóa tôn giáo do tổ chức/các tổ chức cung cấp” [20 tr.193].

Theo nghĩa này, tôn giáo tương tự như một thị trường kinh tế tiêu chuẩn trong đó mô hình cung – cầu phát triển mạnh, một bên là những nhà cung cấp (nhà thờ, đền thờ, chùa...) cung cấp “dịch vụ” (ban phước, giáo lý tôn giáo, thờ cúng...) và bên kia là “người tiêu dùng” (những người theo đạo) muốn được “phục vụ”. Trái ngược với các nền kinh tế thế tục khác, “hàng hóa” được trưng bày trong loại thị trường này chủ yếu là “hàng hóa vô hình” như giáo lý tôn giáo, phép lạ hoặc lời giải thích về thế giới bên kia. Với tư cách là tác giả, Anne Koch đã viết trong bài báo của mình: “Các tôn giáo sản xuất, phân phối và tiếp thị mọi loại hàng hóa: hàng hóa công cộng như tầm nhìn về ý nghĩa cuộc sống, hệ thống đạo đức, thế giới quan hoặc cách giải thích các sự kiện hiện tại; cũng như hàng hóa tư nhân như hội thảo, bữa tiệc mệnh và quyền tham gia các nghi lễ” [21 tr.356].

Trong nền kinh tế thị trường tôn giáo, để duy trì sự sống còn và được công nhận, các tổ chức tôn giáo cần duy trì đa dạng về nhà cung cấp. Họ cạnh tranh với nhau, áp dụng các chiến lược khác nhau để thu hút nhiều tín đồ hơn trong thị trường không có sự quản lý. Tín đồ có thể lựa chọn tham gia vào một tôn giáo dựa trên phân tích chi phí – lợi ích của họ, theo lý thuyết kinh tế tôn giáo xây dựng trên lý thuyết lựa chọn hợp lý.

“Trong lý thuyết lựa chọn hợp lý, hành động của con người được mô tả là kết quả của hai quy trình lựa chọn. Đầu tiên, từ tất cả các phương án hành động khả thi (và có liên quan), những phương án khả thi

sẽ được chọn. Thứ hai, từ tập hợp các phương án này, phương án được ưa thích sẽ được chọn. Việc lựa chọn tập hợp những khả thi dựa trên các hạn chế (về tài chính, pháp lý, xã hội, thể chất và cảm xúc) mà đối tác phải đối mặt. Trên cơ sở sở thích của mình, đối tác sẽ đưa ra lựa chọn giữa các phương án”. [22 tr.8]

Nói cách khác, lựa chọn hợp lý là lựa chọn được đưa ra thông qua một quá trình mà trong đó mọi yếu tố chi phí và lợi ích được đưa vào thang đo và được đo lường bằng tính hợp lý và đi đến điểm cuối cùng của sự quyết định có lợi nhất cho cá nhân sẽ được đưa ra. Bất kể tình hình hiện tại của họ như thế nào, lý thuyết lựa chọn hợp lý luôn coi con người là những sinh vật ích kỷ kể cả khi họ hành động trong môi trường tôn giáo. Iannaccone đã viết: “Lý thuyết lựa chọn hợp lý cho rằng mọi người tiếp cận tôn giáo theo cùng một cách thức mà họ tiếp cận các đối tượng lựa chọn khác. Họ đánh giá chi phí và lợi ích của nó và hành động để tối đa hóa lợi ích ròng của họ. Do đó, họ chọn tôn giáo (nếu có) mà họ sẽ chấp nhận và mức độ tham gia vào tôn giáo đó.” [23 tr.118]

Trong khi đó, có thể thấy một sự giải thích tương tự về tính tôn giáo cá nhân hóa, tiết kiệm hóa trong lý thuyết về tôn giáo tiêu dùng do nhà xã hội học người Ba Lan Zygmunt Bauman phát triển đầu tiên. Nền tảng của tôn giáo tiêu dùng nằm ở sự thống trị của chủ nghĩa tiêu dùng, hay nói cách khác là văn hóa tiêu dùng trong xã hội hiện đại. Sự thống trị của lối sống tiêu dùng trong thế giới đương đại minh họa cho hai điểm: *thứ nhất*, cái tôi cá nhân hóa đóng vai trò trung tâm “trong thị trường cuộc sống”; *thứ hai*, các giá trị hiện đại được xác định bởi các hoạt động tiêu dùng và các hoạt động liên quan, và do đó, cuộc sống hiện đại được điều chỉnh bởi sức mạnh chung của hàng hóa hóa, thị trường hóa, quảng cáo, xây dựng thương hiệu và trên hết là “mối quan hệ thị trường dưới hình thức tiêu dùng hàng hóa”.[24 tr.3].

Trong tác phẩm *Liquid Life*^d Bauman đã bày tỏ mối quan tâm của mình đối với khuynh hướng sống hưởng thụ của người tiêu dùng, vốn có thể bị coi là một hội chứng tiêu cực: “Một lần nữa, hội chứng đó [hội chứng tiêu dùng] hàm ý nhiều hơn là sự say mê với niềm vui khi ăn uống và tiêu dùng, với những cảm giác thú vị và “vui vẻ” hoặc “thời gian vui vẻ”. Đây thực sự là một hội chứng, một loạt các thái độ và chiến lược đa dạng nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, khuynh hướng nhận thức, phán đoán giá trị và định kiến, các giả định rõ ràng và ngầm hiểu về cách thức thế giới vận hành và cách thức bước đi, tầm nhìn về hạnh phúc và cách theo đuổi chúng, sở thích về giá trị

^dTựa đề của tác phẩm này hàm nghĩa về một xã hội mà sự tiêu dùng của con người dường như được thiết kế theo định hướng mang tính chiến lược và sách lược của giới truyền thông.

và (nhớ lại thuật ngữ của Alfred Schütz) “sự liên quan theo chủ đề/topical relevancies”^e [25 tr.83].

Trong một nền văn hóa siêu tiêu dùng, mọi thứ đều có thể và nên được coi là một loại hàng hóa. Tôn giáo cũng không ngoại lệ. Chúng thậm chí còn phát triển thành một nguồn hướng dẫn và hỗ trợ mới cho lối sống của người tiêu dùng. Nhiều nhóm tôn giáo và xu hướng tôn giáo được thành lập để có thể phục vụ nhu cầu “tự giác phản tư/self-realisation” và “tìm kiếm cảm giác/ sensation seeking” [26 tr.30]. Bối cảnh tôn giáo hậu hiện đại có nghĩa vụ phải thiết lập một môi trường thân thiện để tính cạnh tranh giữa các tổ chức tôn giáo phát triển mạnh và do đó biến toàn bộ lĩnh vực tôn giáo thành một “siêu thị/ supermarket” mà bất kỳ ai cũng có thể bước vào và “mua sắm/shop” cho nhóm tôn giáo đứng đắn của họ mà họ có thể dễ dàng từ bỏ và chuyển sang nhóm khác nếu nó không đáp ứng được nhu cầu và đòi hỏi của họ. Trong không gian kinh tế tôn giáo và chủ nghĩa tiêu dùng tôn giáo, “tính xác thực của cuộc tìm kiếm cá nhân của họ [những người tôn giáo] quan trọng hơn đối với họ so với sự chấp thuận của họ đối với ‘chân lý’ mà các tôn giáo trên thế giới tuyên bố là người bảo vệ” [17 tr.135].

Cả xã hội cá nhân hóa và tôn giáo cá nhân hóa đều hòa hợp theo nghĩa này. Thoạt nhìn, xã hội hiện đại mới đã tạo ra một môi trường thân thiện cho các hoạt động tôn giáo khác nhau, một thiên đường nơi mọi người có thể bày tỏ nhu cầu và sở thích riêng biệt của mình mà không bị phán xét. Từ cốt lõi của xã hội hậu hiện đại, nhiều nhóm tôn giáo đã được thành lập để đón nhận những tâm hồn kỳ lạ không phù hợp với một số tiêu chuẩn của xã hội và chấp nhận thấu hiểu những đau khổ của mọi người, bất chấp những tranh cãi (chủ yếu xoay quanh các giáo phái và sự bóc lột bất nguồn từ chúng). Vì phản hiện đại và hậu hiện đại là hai thái cực cách xa của quang phổ, U.Beck cho phép độc giả thoáng thấy một “tôn giáo quốc tế của hiện đại thứ hai” như là nền tảng trung gian cho hai xu hướng đã đề cập ở trên... Các tôn giáo thế giới “vừa khác vừa giống nhau nhưng chúng không phải là kẻ thù của nhau. Trong khi xã hội hiện đại cung cấp một sân chơi đa nguyên, tương đối cho tất cả các tôn giáo hòa trộn với nhau với mối đe dọa mất đi tính xác thực của chúng, thì xã hội hiện đại thứ hai (phản hiện đại/ hậu hiện đại) cho phép các tôn giáo khác nhau nhìn nhận giống nhau nhưng không đến mức từ bỏ “bản chất đặc biệt” của riêng chúng. Hơn nữa, trong môi trường xã hội hiện đại thứ hai, các tôn giáo cũng có thể tránh bị dụ vào cái bẫy của “chủ nghĩa phản hiện

đại tôn giáo, cực đoan”. Vì chúng có thể vừa khuếch đại sự phát triển của tính tôn giáo của mình vừa hỗ trợ những tôn giáo khác mà không làm hết sức mình để tiêu diệt lẫn nhau hoặc cố gắng độc quyền môi trường tôn giáo [17 tr.136].

Thật không may, điều này có thể vẫn chỉ là một viễn cảnh, vì U.Beck không thể đưa ra một ví dụ duy nhất về loại tính tôn giáo này trong lập luận của mình, trong khi đó, các hình thức tôn giáo hiện đại khác đã được hiện thực hóa dưới nhiều hình thức khác nhau. Xã hội rủi ro đã đẩy con người vào vực thẳm vô tận của sự bất an nhìn từ bản thể học. Mối đe dọa của rủi ro môi trường, của sự suy thoái cá nhân không thể được giải quyết trong thời gian ngắn. Vì sự an toàn do các tổ chức có thẩm quyền cung cấp đã không đảm bảo cho con người một cuộc sống yên bình, nên các cá nhân tìm kiếm sự bảo vệ bằng mọi cách có thể có được. Trong cơn lốc sợ hãi và lo lắng này, tôn giáo đã tự chuyển mình để đối phó với tình trạng hiện tại của xã hội rủi ro. Nó có thể dẫn đến một phong trào thù địch để đảo ngược tình thế phân phối rủi ro hoặc có thể tạo ra một vùng an toàn để mọi người chủ động điều hướng cuộc sống của họ theo bất kỳ hướng nào họ mong muốn. Vào cuối tác phẩm *Một Thượng đế của riêng mình*, bất kể tôn giáo được chọn theo phương thức nào, Ulrich U.Beck đều mong đợi tôn giáo sẽ hoàn thành vai trò của một người trung gian trong sự hỗn loạn của một xã hội rủi ro toàn cầu, vì không giống như các quốc gia hay quốc gia dân tộc, tôn giáo là “những người chơi toàn cầu” có thể vươn xa hơn nhiều so với khái niệm biên giới và lãnh thổ [17 tr.132]. Những rủi ro đang hoành hành trong xã hội hiện đại buộc mọi người, bất kể nguồn gốc và hiện trạng của họ, phải hợp tác và hình thành một mạng lưới hỗ trợ xuyên quốc gia để đảm bảo sự sống còn cuối cùng của toàn bộ hành tinh. Tôn giáo, như Beck lập luận, có thể là một “hệ sinh thái tinh thần” mà ở đó, những mô hình tín ngưỡng cá nhân hóa cung cấp các giải pháp linh hoạt, giúp cá nhân xây dựng nên “Thượng đế” của riêng mình để đối phó với những rủi ro của thời đại. Tôn giáo phải thỏa hiệp với cấu trúc của mình và nuôi dưỡng tiềm năng trở thành “tác nhân của hiện đại” [17 tr.182], thay vì tụt hậu như một tàn tích của quá khứ huy hoàng, tôn giáo nên liên kết lợi ích của mình với sự phát triển của hiện đại và đóng góp vào thành công của hiện đại. Sự trở lại của tôn giáo trong phạm vi công cộng là và nên là sự trở lại của một nhà đàm phán hòa bình tích cực, chứ không phải là kẻ gây chiến hung hăng, bất chấp xu hướng bạo lực của nhiều nhóm tôn giáo [17 tr.197-200]. U.Beck đã đưa ra quan điểm tích cực về vị thế của tôn giáo trong một xã hội rủi ro.

^e“Sự liên quan theo chủ đề” là một thuật ngữ quan trọng trong dự án hiện tượng học mở rộng của A. Schütz nhằm để hiểu các cấu trúc của thế giới cuộc sống hoặc thực tế hàng ngày mà mọi người trải nghiệm và hành động trong đó.

Ý kiến phản biện. Đây là điểm mà nhóm tác giả bài viết không thể đồng ý với U.Beck, vì lập luận của ông về vị thế tôn giáo trong xã hội rủi ro chỉ là lời khuyên hay đúng hơn là một ước vọng hoàn toàn không có tính khả thi. Cần có sự cảnh tỉnh về vị thế tôn giáo trong xã hội hiện đại mới/hậu hiện đại.

Vị thế tôn giáo là vị trí của thể và lực của tôn giáo đang thực hiện chức năng của mình trong một cấu hình xã hội. Để nhận thức rõ hơn, có thể so sánh vị thế tôn giáo trong hai cấu hình xã hội mà nhóm tác giả tạm thời quy ước, đó là: cấu hình xã hội truyền thống với thời đầu công nghiệp hóa được quy ước là hiện đại thứ nhất và cấu hình xã hội hiện đại với hậu công nghiệp/hậu hiện đại/hiện đại mới được quy ước là hiện đại thứ hai.

Trong cấu hình xã hội hiện đại thứ nhất vị thế của tôn giáo vẫn còn giữ được vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng xã hội vì phần lớn thực hiện được chức năng là “hoàn thiện thế gian”. Các nhà chức trách tôn giáo thực hiện quyền lực đáng kể trong giám sát và thực thi các quy tắc đạo đức của tôn giáo, củng cố các chuẩn mực và giá trị xã hội của đạo đức tôn giáo, tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa các cá nhân. Sự cùng được chia sẻ một tín ngưỡng tôn giáo làm cho cá nhân luôn có cảm giác thuộc về cộng đồng. Trong lịch sử, vị thế tôn giáo còn là nhân tố định danh cho bản sắc một nền văn hóa. Vì thế mà nhân loại mới có được nền văn hóa Phật giáo, Kito giáo, Islam giáo...

Trong cấu hình xã hội hiện đại thứ hai, sự chuyển đổi cấu hình xã hội làm cho thể chế cá nhân hóa được đẩy mạnh cùng với chủ nghĩa đa nguyên tôn giáo, tạo nên những biến động lớn trong các cấu trúc niềm tin tôn giáo, làm thay đổi cơ bản vị thế của tôn giáo. Do đó, xã hội hiện đại hình thành các chiến thuật khác nhau để đối phó với những rủi ro hiện đại này. Theo Giddens, “...có bốn loại phản ứng thích nghi chống lại một xã hội rủi ro: chấp nhận thực dụng (chấp nhận rủi ro và tiếp tục cuộc sống hàng ngày), lạc quan bền vững (tin vào các giải pháp khoa học trong tương lai), bi quan yếm thế (không tin vào việc loại bỏ hoàn toàn rủi ro nhưng vẫn tiếp tục cuộc sống hàng ngày) và tham gia triệt để (cố gắng thay đổi tình trạng hiện tại)... Đi kèm với những phản ứng thích nghi này đối với rủi ro là sự trở lại của tôn giáo trong phạm vi công cộng. Trái ngược với dự đoán của những người theo chủ nghĩa thể tục về sự biến mất và từ chối tôn giáo trong xã hội loài người, mọi người vẫn tìm kiếm các phương tiện tôn giáo để giảm bớt nỗi lo hiện sinh của thế giới hiện đại. Vì công nghệ hiện đại và hệ thống xã hội thế tục không thể đảm bảo một môi trường an toàn để mọi người sinh sống, nên họ không có lựa chọn nào khác ngoài việc tìm kiếm sự an toàn ở nơi khác. Do đó, thay vì phải đối mặt với sự tuyệt chủng, các tôn giáo thích

nghi và thay đổi bản thân để có thể phù hợp với bối cảnh mới của hiện đại và do đó tạo ra nhiều hình thức tôn giáo mới mang lại sự an toàn và bảo vệ bản thể khỏi những rủi ro hiện đại cho những người tin theo họ. Sự trở lại của tôn giáo thông qua một sự chuyển đổi có thể được xem như là một hậu quả bắt nguồn từ sự phát triển của xã hội rủi ro” [27 tr.134-137]

Sự chuyển đổi thể hiện rõ qua những cách diễn giải đa dạng về tâm linh, cách các cá nhân liên hệ với tôn giáo trong cuộc sống. Ảnh hưởng văn hóa kỹ thuật số làm cho niềm tin tôn giáo trở nên linh hoạt để thích ứng với xã hội đầy biến động.

Các tôn giáo đương đại (tôn giáo mới, tôn giáo cá nhân) đã hiện diện dưới nhiều hình thức khác nhau, cũng làm cho các cá nhân có sự hụt hẫng trong kiến thức về nguồn gốc lịch sử tôn giáo mà các cá nhân đã chọn. Việc bác bỏ chân lý tuyệt đối của thời hậu hiện đại dẫn đến sự pha loãng các giáo lý tôn giáo. Sự đa dạng của các cách giải thích có thể làm suy yếu sự gắn kết của các truyền thống tôn giáo, gây ra sự nhầm lẫn và mất đi các giá trị chung trong các cộng đồng đức tin. Tâm trạng luôn hoài nghi trong xã hội hậu hiện đại làm suy yếu các thể chế tôn giáo và các thẩm quyền truyền thống. Các chức sắc lãnh đạo tôn giáo không còn được tin cậy, dẫn đến sự suy giảm trong việc thực hiện các nghi lễ của các cộng đồng tôn giáo cũng như sự tham gia vào đời sống tôn giáo của các cá nhân. Tôn giáo trong xã hội hậu hiện đại đang dần mất đi vị thế truyền thống với chức năng hoàn thiện thế gian. Vì tôn giáo không còn là điểm tựa an toàn tuy rằng vẫn còn nhiều cá nhân tham gia vào các hoạt động tôn giáo truyền thống, đặc biệt là ở những khu vực mà các tín ngưỡng này là một phần không thể thiếu của bản sắc văn hóa. Nhưng cũng chính điều này lại làm nổi bật sự phức tạp của tôn giáo trong một thế giới toàn cầu hóa, nơi những biểu hiện truyền thống và hiện đại cùng tồn tại. Thực tiễn cũng đã cho chúng ta nhận thức rõ hơn về sự cảnh tỉnh cần thiết này:

Thứ nhất. Xu hướng bạo lực của chủ nghĩa tôn giáo chính thống tôn giáo ngày càng rõ và độ nguy hiểm ngày càng tăng. Việc thúc đẩy khủng bố và hoạt động cực đoan của những tín đồ tôn giáo đã gây ra sự sợ hãi và định kiến mới đối với công dân hiện đại, khiến cho xung đột giữa các nhóm tôn giáo và phi tôn giáo khó có thể ngăn chặn.

Thứ hai. Bối cảnh tôn giáo hậu hiện đại mang đến sự đa dạng của các thị trường tôn giáo, giải phóng con người khỏi sự độc quyền của các tổ chức tôn giáo truyền thống, nhưng cũng dẫn đến hỗn loạn mới trong xã hội. Các tổ chức tôn giáo trước đây cung cấp sự ổn định bản tính tôn giáo cho cá nhân, nhưng sự cá nhân hóa ngày nay đã làm mất đi sự đảm bảo này. Sự đa dạng này khuyến khích sự phát triển của các “chân

lý tương đối” khiến cho các giáo lý truyền thống trở nên bị nghi ngờ. Mọi thứ không còn rõ ràng, đặc biệt là về tính hợp pháp và xác thực của các tôn giáo mới. Các tôn giáo này thường bác bỏ giá trị của các tôn giáo truyền thống, gây thêm sự bất ổn và mất phương hướng trong việc lựa chọn tôn giáo. Quá trình này đang đẩy con người ra khỏi trật tự xã hội, khi thị trường tôn giáo tự do mở ra một cảnh hỗn loạn trong bối cảnh tôn giáo ngày nay. Niềm tin thần thánh biến thành hàng hóa và sự liên kết tôn giáo biến thành thị trường cạnh tranh. Ý nghĩa và thuộc tính cấu trúc của đời sống tâm linh không thể được đảm bảo, dẫn đến việc mọi người rơi vào trạng thái “anomy”. “Anomy” trong định nghĩa của Peter L. Berger là “sự tách biệt triệt để” khỏi trật tự xã hội:

“Việc tách biệt khỏi xã hội đem đến cho cá nhân vô vàn nguy hiểm mà họ không thể tự mình đối phó, đặc biệt là nguy cơ bị loại trừ gần như hoàn toàn. Tách biệt cũng gây ra căng thẳng tâm lý không thể chịu đựng được, xuất phát từ nhu cầu cơ bản của con người trong xã hội. Mối nguy hiểm chủ yếu của sự tách biệt là nguy cơ vô nghĩa, khi cá nhân phải đối mặt với thế giới hỗn loạn, không mục đích và điên rồ. Hiện thực và giá trị con người bị biến thành những hình ảnh kinh hoàng và không có ý nghĩa. Sống trong xã hội là học được cách tránh được sự tồi tệ cùng của sự hỗn loạn vô nghĩa và kinh hoàng đó” [28 tr.31-32].

Hiện tượng anomy ảnh hưởng sâu sắc đến tâm lý cá nhân khi họ cảm thấy mất đi các chuẩn mực và giá trị xã hội, dẫn đến cảm giác tuyệt vọng và mất phương hướng. Điều này có thể dẫn đến suy nghĩ về cái chết như một cách để thoát khỏi sự đau khổ, thay vì phải sống trong một xã hội thiếu cấu trúc và ý nghĩa. Giả thuyết của Berger đưa ra nhận thức về sự đóng góp của tôn giáo trong thăm kích cá nhân hóa. Trong văn bản gốc của mình, Berger cho rằng chức năng của tôn giáo là lá chắn chống lại nỗi kinh hoàng, hay chính xác hơn là chống lại vô chính phủ, vì tôn giáo giúp nhân loại xây dựng “ý nghĩa cơ bản vốn có trong vũ trụ” [28 tr.34] hướng họ đến một trật tự có mục đích. Nhưng đó là câu chuyện của thế giới cũ.

Ngày nay, những người đau khổ dưới ngọn cờ cá nhân hóa vẫn có xu hướng tìm kiếm sự an ủi từ tôn giáo. Nhưng với đặc thù cạnh tranh quá mức của bối cảnh tôn giáo được thị trường hóa khiến họ rơi vào tình trạng mất cân bằng. Do sự thương mại hóa quá mức, tôn giáo không còn là sự xoa dịu nỗi đau tinh thần như trước đây khiến cho cá nhân đi tìm sự “chữa lành” trong bản thể tôn giáo mới để mong có được sự an bình trong tinh thần lại phải đối mặt với nhiều sự bất ổn. Việc tôn giáo có thể giúp giảm bớt khủng hoảng xã hội hiện tại như U.Beck mong đợi chỉ là niềm ước vọng tương lai. Thực tế hiện tại cho thấy tôn giáo

không còn hoạt động như một yếu tố gìn giữ hòa bình, ngăn chặn xung đột xã hội hay là một trung tâm đoàn kết trong một xã hội rủi ro.

KẾT LUẬN

Sự ổn định của thời hiện đại chứa đầy những mối đe dọa liên tục về nhiều thảm họa tiềm tàng do con người gây ra đã được toàn cầu hóa làm gia tăng trên quy mô lớn. Mối đe dọa phổ biến nhất khiến mọi người rơi vào tình thế dễ bị tổn thương nhất là sự tiềm tàng khủng hoảng kinh tế được tăng cường bởi quá trình cá nhân hóa theo quy chuẩn. Những ràng buộc truyền thống (giai cấp xã hội, gia đình, giới tính...) không còn đóng vai trò quan trọng trong việc xác định lối sống. Mỗi cá nhân phải tự đưa ra lựa chọn của riêng mình, nhưng những lựa chọn này sẽ được đánh giá và phân xét bởi toàn bộ hệ thống chuẩn mực của xã hội hậu hiện đại do tính cạnh tranh của thị trường lao động tư bản quyết định. Mỗi cuộc đời là một cuộc chiến liên tục thể hiện trong việc xây dựng một “tiểu sử phản tư” mà kiến thức và kỹ năng sống như là yêu cầu tất yếu của một đồ án đào tạo cho bản thân để thích nghi với dòng chảy của thị trường lao động.

Xã hội hậu hiện đại/xã hội rủi ro không thể xóa bỏ tôn giáo, nhưng tôn giáo cũng buộc phải tự điều chỉnh để tồn tại. Trong sự điều chỉnh này, tôn giáo có thể bị tha hóa thành “nỗi đau” của thế gian dưới áp lực của những rủi ro liên tục hoặc vươn lên dẫn đầu các phong trào xã hội khi khai phóng được chức năng “chữa lành thế gian”.

Xin được dẫn lời của J.-P.Sartre để kết thúc bài viết “Để cho rõ ràng tránh được sự hiểu lầm, nên tôi sẽ nói rằng sự lo lắng, không phải là một trở ngại cho hành động, mà chính là điều kiện của hành động và sự lo lắng là sự thể hiện ý thức về trách nhiệm nặng nề và cũng là sự vĩ đại của chúng ta trước tất cả sự dày vò đau khổ.” [29 tr.64].

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả không có bất kỳ xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Từ những luận cứ có cơ sở từ thực tiễn, nhóm tác giả đã chứng minh trong xã hội hiện đại, tôn giáo cũng tiềm ẩn những nguy cơ dẫn đến xung đột, làm trầm trọng thêm những rủi ro xã hội để phản biện lại cách nhìn tôn giáo có thể làm giảm bớt khủng hoảng của xã hội hiện đại của U.Beck.

Tác giả Lê Trần Anh Thư là người phác thảo đề cương và trình bày toàn bộ nội dung ý tưởng cơ bản của bài viết.

Tác giả Trần Kỳ Đồng là người viết bổ sung phần Tóm tắt, phần Dẫn nhập, phần đầu Nội dung, diễn giải thuật ngữ Hiện đại hóa, Vị thế tôn giáo, và biên tập bài viết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. The risk society in The International Journal of Pharmacy Practice. 2003;Available from: <https://doi.org/10.1211/0022357022638>.
2. Beck U. Risk Society: Towards a New Modernity. England: SAGE Publications Ltd; 1992.
3. Casanova J. Public Religions in the Modern World. The University of Chicago Press; 1994.
4. Bennett J. Disenchantment Tales". The Enchantment of Modern Life: Attachments, Crossings, and Ethics. Princeton University Press. Princeton; 2016. Available from: <https://doi.org/10.1515/9781400884537-005>.
5. Biddle, Craig. "Individualism vs. Collectivism: Our Future, Our Choice". The Objective Standard.7 (1). 20 February 2012. Accessed 8 August 2022;
6. Beck U, Beck-Gernsheim E. Individualization: Institutionalized Individualism and its Social and Political Consequences. Theory, Culture & Society. London: SAGE Publications Ltd; 2022. Available from: <https://dx.doi.org/10.4135/9781446218693>.
7. Adams T, undefined James. The Epic of America. Boston: Little Brown and Company; 1931.
8. Ten Years After Chernobyl: What Do We Really Know?". In: Based on the proceedings of the IAEA/WHO/EC International Conference. Vienna; 1996. Available from: https://inis.iaea.org/collection/NCLCollectionStore/_Public/28/058/28058918.pdf.
9. Aslam F, Awan TM, Syed JH, Kashif A, Parveen M. Sentiments and emotions evoked by news headlines of coronavirus disease (COVID-19) outbreak. Humanities and Social Sciences Communications. 2020;7(1):1–9. Available from: <https://doi.org/10.1057/s41599-020-0523-3>.
10. Khan R, Fatima T, Ramayah T, Awan TM, Kayani ZK. Community Safety Behavior in Response to Coronavirus Pandemic. Illness, Crisis & Loss. 2021;
11. Atlani-Duault L, Ward JK, Roy M, Morin C, Wilson A. Tracking online heroisation and blame in epidemics. The Lancet Public Health. 2020;5(3):137–138.
12. Haq IU, Awan TM. Impact of e-banking service quality on e-loyalty in pandemic times through interplay of e-satisfaction. Management. 2020;17(1/2).
13. Basch CH, Hillyer GC, Meleo-Erwin ZC, Jaime C, Mohlman J, Basch CE. Preventive behaviors conveyed on YouTube to mitigate transmission of COVID-19: cross-sectional study. JMIR public health and surveillance. 2020;6(2):18807.
14. Alsukaini AKM, Sumra K, Khan R, Awan TM. New trends in digital marketing emergence during pandemic times. International Journal of Innovation Science. 2020.
15. O'brien M, Moore K, McNicholas F. Social media spread during Covid-19: the pros and cons of likes and shares. Ir Med J. 2020;113(4).
16. Awan T, Aziz M, Sharif A, Ch T, Jasam T, Alvi Y. Fake news during the pandemic times: A Systematic Literature Review using PRISMA. Open Information Science. 2022;6(1). Available from: <https://doi.org/10.1515/opis-2022-0131>.
17. Beck U. A God of One's Own: Religion's Capacity for Peace and Potential for Violence. Polity Press. Cambridge; 2010.
18. Marsden GM. Fundamentalism and American Culture: The Shaping of Twentieth Century Evangelicalism, 1870-1925. Oxford University Press; 1980.
19. Riesebrodt M. Fundamentalism and the Resurgence of Religion. Numen. 2000;47(3). Available from: <http://www.jstor.org/stable/3270326>.
20. Stark R, Finke R. Acts of Faith: Explaining the Human Side of Religion. 1st ed. University of California Press. 2000;
21. Koch, Anne. Economy, In The Oxford Handbook of the Study of Religion, edited by Michael Stausberg and Steven Engler. Oxford University Press. 2016.
22. Jonge D, Jan. Rethinking Rational Choice Theory: A Companion On Rational And Moral Action. Palgrave Macmillan. Hampshire; 2012.
23. Iannaccone LR. Religious Markets and the Economics of Religion. Social Compass;39(1):123–131. Available from: <https://doi.org/10.1177/003776892039001012>.
24. Gauthier, F. Religion in Consumer Society: Brands, Consumers and Markets (T. Martikainen, Ed.). 1st ed. Routledge. 2013;p. 3. Available from: <https://doi.org/10.4324/9781315604923>.
25. Bauman, Zigmunt, Liquid Life, Polity Press. Cambridge. 2005.
26. Beck, Simon. "Religion, Individualization, and Consumerism: Constructions of Religiosity in 'Liquid' and 'Reflexive' Modernity". In Religion in Consumer Society: Brands, Consumers and Markets. Routledge. 2013.
27. Giddens A. The Consequences of Modernity. Polity Press. England; 1991.
28. Berger PL. The Social Reality of Religion. Penguin Books. Great Britain; 1967.
29. Action JP. A propos de l'existentialisme: Mise au point". Paris: Gallimard; 1970.

The religious position - an approach from Ulrich Beck's risk social theory

Le Tran Anh Thu¹, Tran Ky Dong^{2,*}



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Ulrich Beck's theory of risk society in his two works *Risk Society: Towards a New Modernity* and *A God of One's Own* as a reflection on the process of modernization in four dimensions: technological progress, globalization, secularization, and individualization. The article focuses on the issue of secularization and individualization as a starting point in the vision referring to the position of religion in postmodern society.

In the intertextual approach, the content of the article is developed mainly by the phenomenological and hermeneutic methods imbued with the existential philosophy. In addition to the introduction and conclusion, the article is divided into three chapters: *Chapter I*. From the concept of modernity, the relationship between modernity and secularization and the relationship between modernity and individualization are explored; *Chapter II*. Analysis of the consequences of modernity has created a society that is always insecure, and personal safety that is threatened when individualism is institutionalized, leading to consequences that people have to bear; *Chapter III*. On a personal God as a form of personal spirituality that responds to both religious fundamentalism and modern insecurity. However, Ulrich Beck still asserts that the religious position, even in its individualized form, is still a potential mediator of peace in a risky society.

With arguments and evidence from theory and practice, the authors have sent a warning message for this assertion. "In the face of the challenges of a risky postmodern society, religious status may not be able to perform its "healing" function for the world but may contribute to the pain of the world". The authors' counter-arguments are presented at the end of chapter III and are also the purpose of the article.

Key words: modernity, risk society, secularization, individualization, religious position

¹Ruhr-Universität Bochum

²University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Tran Ky Dong, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: kydongtran@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 23-08-2024
- Revised: 03-06-2025
- Accepted: 04-07-2025
- Published Online: 17-07-2025

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjssh.v9i3.1056>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Anh Thu L T, Ky Dong T. **The religious position - an approach from Ulrich Beck's risk social theory.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2025; 9(3):3093-3108.